Kỳ 1

Một số quy định của pháp luật về Ngày Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 9/11

1. Ý nghĩa Ngày Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 9/11

Theo Điều 8 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, ngày 09 tháng 11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngày Pháp luật Việt Nam).

Ngày 09/11 cũng là ngày bản Hiến pháp đầu tiên được thông qua - Hiến pháp 1946.

Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội, góp phần thực hiện tuyên truyền khẩu hiệu "Sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật".

Qua đó tạo lập thói quen tự giác thực hiện, ứng xử theo pháp luật và xây dựng văn hóa pháp lý trong toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, một xã hội Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đây là dịp toàn thể ban, ngành trong cơ quan nhà nước đánh giá lại những kết quả đã đạt được trong công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, PBGDPL, đưa ra những mặt hạn chế còn tồn tại trong hệ thống pháp luật, qua đó định hướng triển khai các công việc liên quan trong thời gian tới.

Ngoài ra, Ngày Pháp luật Việt Nam còn tôn vinh, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, phổ biến giáo dục pháp luật.

2. Nội dung tổ chức Ngày Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 9/11

Cụ thể tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, quy định ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức với các nội dung sau đây:

- Khẳng định vị trí, vai trò của Hiến pháp, pháp luật trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội;

- Giáo dục cán bộ, công chức, viên chức và người dân ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật;

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Hiến pháp, pháp luật thiết thực với đời sống của nhân dân, gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

- Vận động Nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật;

- Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật;

- Nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

3. Hình thức tổ chức Ngày Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 9/11

Ngày Pháp luật Việt Nam có thể được tổ chức dưới các hình thức theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 28/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Mít tinh; hội thảo; tọa đàm;

- Thi tìm hiểu pháp luật;

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lưu động; triển lãm;

- Các hình thức khác theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

4. Chính sách của Nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật

Điều 3 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 quy định chính sách của Nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật:

1. Phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt.

2. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

4. Giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được lồng ghép trong chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo; là một nội dung trong chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

Kỳ 2
Một số quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật
(có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2027)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách

1. Công dân có quyền tiếp cận pháp luật; thụ hưởng, tham gia các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách; được hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật.

2. Công dân có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; có trách nhiệm chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

Điều 10. Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Hiến pháp, bộ luật, luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác (sau đây gọi chung là văn bản).

2. Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế.

3. Thông tin về gương người tốt, việc tốt trong tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

4. Các nội dung khác phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, nhu cầu tìm hiểu pháp luật hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức sau đây:

1. Cổng Pháp luật quốc gia; cổng, trang thông tin điện tử; báo chí, phương tiện thông tin đại chúng;

2. Nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo;

3. Hướng dẫn, giải đáp pháp luật;

4. Thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật;

5. Thông qua trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải, trọng tài thương mại, dịch vụ có liên quan đến pháp lý, đối thoại, thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật; lồng ghép vào các hoạt động và sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và hoạt động khác tại cơ sở;

6. Tổ chức diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp báo, thi tìm hiểu pháp luật; tủ sách pháp luật, tài liệu pháp luật;

7. Thông qua hoạt động giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

8. Hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Phổ biến, giáo dục pháp luật trên cổng, trang thông tin điện tử, báo chí, phương tiện thông tin đại chúng

1. Cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và báo chí phải có chuyên mục, chuyên trang ở vị trí dễ tiếp cận, thời lượng phù hợp, phát sóng trên khung giờ thu hút đông đảo khán giả, thính giả để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; ưu tiên các nội dung có tác động lớn đến xã hội, liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Việc phổ biến, giáo dục pháp luật trên cổng, trang thông tin điện tử, báo chí, phương tiện thông tin đại chúng thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo

1. Cổng Pháp luật quốc gia là nền tảng số quốc gia về pháp luật dùng chung cho các ngành, lĩnh vực, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn hóa, cập nhật, chia sẻ, quản lý dữ liệu pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Pháp luật quốc gia.

2. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân chủ động tiếp cận pháp luật.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; khai thác, sử dụng dữ liệu pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên mạng xã hội thông qua tài khoản chính thức đã được định danh và xác thực theo quy định của pháp luật.

5. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và các quy định sau đây:

a) Bảo đảm kiểm soát, cập nhật dựa trên các nguồn thông tin, dữ liệu chính thức của các cơ quan nhà nước và tính chính xác của nội dung pháp luật;

b) Thực hiện kiểm chứng thông tin trước khi cung cấp, gắn nhãn cảnh báo, đính chính thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển, vận hành trí tuệ nhân tạo chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đầu vào và thông tin do hệ thống của mình cung cấp.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm bảo đảm an toàn về dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hướng dẫn, giải đáp pháp luật

1. Trong phạm vi lĩnh vực được giao phụ trách, cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hướng dẫn, giải đáp các quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến vụ việc khi cơ quan, tổ chức, cá nhân đó có yêu cầu.

2. Khuyến khích tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, dịch vụ khác có liên quan đến pháp lý; cơ sở đào tạo ngành luật; cơ sở nghiên cứu ngành luật và các tổ chức khác tham gia hướng dẫn, giải đáp pháp luật miễn phí cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 15. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án và hoạt động tổ chức thi hành pháp luật

1. Cơ quan, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp cho đối tượng có liên quan thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử và thi hành án.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua hoạt động xử lý vi phạm hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đối thoại với Nhân dân và hoạt động tổ chức thi hành pháp luật khác.

Kỳ 3
Một số quy định của Luật Phòng, chống khủng bố

Điều 5. Chính sách phòng, chống khủng bố

1. Nhà nước lên án và nghiêm trị mọi hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố; sử dụng đồng bộ các biện pháp để tổ chức phòng, chống khủng bố; tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống khủng bố.

2. Nhà nước có chính sách huy động thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ cho hoạt động phòng, chống khủng bố.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ và bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng chống khủng bố, tài trợ khủng bố.

4. Nhà nước có chính sách, biện pháp bảo vệ tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống khủng bố. Cá nhân tham gia phòng, chống khủng bố mà bị thương tích, tổn hại về sức khỏe hoặc thiệt hại về tính mạng thì bản thân hoặc thân nhân được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân có tài sản được huy động để phục vụ phòng, chống khủng bố, nếu bị thiệt hại thì được bồi thường.

5. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong phòng, chống khủng bố thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Nhà nước có chính sách khoan hồng đối với tổ chức, cá nhân chủ động từ bỏ ý định khủng bố, tài trợ khủng bố; tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố hoặc trước khi hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố bị phát giác mà cố gắng ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại, khắc phục hậu quả xảy ra và tự thú, thành khẩn khai báo, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn, điều tra, truy tố, xét xử khủng bố, tài trợ khủng bố.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 của Luật này.

2. Che giấu, chứa chấp, không tố giác hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.

3. Làm lộ bí mật nhà nước trong phòng, chống khủng bố.

4. Cố ý lan truyền thông tin giả về khủng bố, tài trợ khủng bố; cản trở, gây khó khăn cho hoạt động phòng, chống khủng bố.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống khủng bố để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Trách nhiệm phòng, chống khủng bố

1. Phòng, chống khủng bố là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và công dân.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình.

3. Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, người nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm tham gia phòng, chống khủng bố theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về phòng, chống khủng bố; giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống khủng bố.

Điều 9. Điều tra, truy tố, xét xử tội phạm khủng bố, tội phạm tài trợ khủng bố

Việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm khủng bố, tội phạm tài trợ khủng bố được thực hiện theo quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố

1. Tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố phải bị tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện, thủ tục, thẩm quyền, hình thức tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ, xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố.

Điều 28. Phát hiện khủng bố

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động của mình chủ động phát hiện khủng bố.

2. Lực lượng chống khủng bố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật này có trách nhiệm triển khai các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật để phát hiện khủng bố; hướng dẫn, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận biết về khủng bố và cách thức phát hiện, báo tin, tố giác về khủng bố.

Điều 29. Tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về khủng bố

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện dấu hiệu, hành vi khủng bố phải kịp thời báo cho lực lượng chống khủng bố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật này hoặc cơ quan Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Cơ quan Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ tin báo, tố giác về khủng bố.

2. Cơ quan Công an, Quân đội, Ủy ban nhân dân ngay sau khi tiếp nhận được tin báo, tố giác về khủng bố theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc qua

hoạt động của mình mà phát hiện dấu hiệu, hành vi khủng bố phải kịp thời báo cho lực lượng chống khủng bố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật này, giữ bí mật thông tin của người báo tin; trường hợp phát hiện khủng bố đã, đang hoặc có căn cứ để cho rằng sẽ xảy ra thì được áp dụng ngay các biện pháp khẩn cấp chống khủng bố theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này.

3. Lực lượng chống khủng bố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật này tiếp nhận được tin báo, tố giác về khủng bố phải kịp thời xử lý thông tin, báo cáo cấp có thẩm quyền và Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố có thẩm quyền; trường hợp phát hiện khủng bố đã, đang hoặc có căn cứ để cho rằng sẽ xảy ra thì được áp dụng ngay các biện pháp khẩn cấp chống khủng bố theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này.

4. Khi khủng bố xảy ra, Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố phải báo cáo Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp trên; đơn vị chống khủng bố phải báo cáo đơn vị chống khủng bố cấp trên trực tiếp.

Điều 30. Biện pháp chống khủng bố

1. Chống khủng bố được thực hiện bằng các biện pháp theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2. Biện pháp khẩn cấp chống khủng bố là biện pháp được thực hiện ngay khi khủng bố đã, đang hoặc có căn cứ để cho rằng sẽ xảy ra nhằm kịp thời ngăn chặn khủng bố, loại trừ, hạn chế tác hại của khủng bố. Biện pháp khẩn cấp chống khủng bố bao gồm:

a) Bao vây, phong tỏa khu vực xảy ra khủng bố;

b) Giải cứu con tin, cấp cứu nạn nhân, cách ly người, di chuyển phương tiện, tài sản ra khỏi vùng nguy hiểm của khủng bố;

c) Thương thuyết với đối tượng khủng bố;

d) Bao vây, truy tìm, khống chế, bắt giữ đối tượng khủng bố; vô hiệu hóa vũ khí, công cụ, phương tiện sử dụng để thực hiện khủng bố;

đ) Tấn công, tiêu diệt đối tượng khủng bố, phá hủy vũ khí, công cụ, phương tiện đang được sử dụng để khủng bố;

e) Tạm dừng phương tiện giao thông, phương tiện thông tin, truyền thông bị lợi dụng để khủng bố;

g) Phá, dỡ nhà, công trình xây dựng, di dời chướng ngại vật gây cản trở hoạt động chống khủng bố; đặt chướng ngại vật để cản trở hoạt động khủng bố;

h) Bảo vệ, di chuyển, che giấu, ngụy trang công trình, mục tiêu là đối tượng tấn công của khủng bố;

i) Huy động lực lượng, phương tiện để chống khủng bố;

k) Kiểm tra, phong tỏa tài khoản, nguồn tài chính; ngừng các giao dịch tiền, tài sản; tạm giữ tiền, tài sản liên quan đến khủng bố;

l) Bóc mở, kiểm tra, thu giữ thư, điện tín, bưu phẩm, bưu kiện, gói, kiện hàng hóa liên quan đến khủng bố;

m) Thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến khủng bố.

3. Chính phủ quy định cụ thể về thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp chống khủng bố quy định tại khoản 2 Điều này.

Kỳ 4
Một số quy định của Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội
(hiệu lực từ ngày 05/10/2026)

Điều 5. Đối tượng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng

1. Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau:

a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

b) Trẻ em mà cả cha mẹ đẻ đã chết hoặc một trong hai người đã chết và người kia không xác định được;

c) Trẻ em có cha hoặc mẹ đã chết hoặc không xác định được và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

d) Trẻ em có cha hoặc mẹ đã chết hoặc không xác định được và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội;

đ) Trẻ em có cha hoặc mẹ đã chết hoặc không xác định được và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội;

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội;

k) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Người thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất nếu quá

trình học liên tục không bị gián đoạn (trừ trường hợp được tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập theo quy định của pháp luật về giáo dục) thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học.

3. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

4. Người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo nuôi con).

Trường hợp người đơn thân nghèo nuôi con đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định tại khoản này, nhưng người con đó đủ 16 tuổi và đang tiếp tục học giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất nếu quá trình học liên tục không bị gián đoạn (trừ trường hợp được tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập theo quy định của pháp luật về giáo dục) thì người đơn thân nghèo nuôi con tiếp tục được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng cho đến khi người con kết thúc học.

5. Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

a) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng;

b) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng.

6. Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật.

7. Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 6 Điều này đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

8. Người nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo không có tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng.

Điều 6. Mức trợ cấp xã hội hằng tháng

1. Đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định này được trợ cấp xã hội hằng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này nhân với hệ số tương ứng quy định như sau:

a) Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này:

Hệ số 2,5 đối với trường hợp dưới 04 tuổi;

Hệ số 1,5 đối với trường hợp từ đủ 04 tuổi trở lên.

b) Hệ số 1,5 đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

c) Đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này:

Hệ số 2,5 đối với đối tượng dưới 04 tuổi;

Hệ số 2,0 đối với đối tượng từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi.

d) Đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này:

Hệ số 1,0 đối với mỗi một con đang nuôi.

đ) Đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định này:

Hệ số 1,5 đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 5 từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi;

Hệ số 2,0 đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 5 từ đủ 75 tuổi trở lên;

Hệ số 3,0 đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 5.

e) Đối với đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này:

Hệ số 2,0 đối với người khuyết tật đặc biệt nặng;

Hệ số 2,5 đối với trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người cao tuổi là người khuyết tật đặc biệt nặng;

Hệ số 1,5 đối với người khuyết tật nặng;

Hệ số 2,0 đối với trẻ em khuyết tật nặng hoặc người cao tuổi là người khuyết tật nặng.

g) Hệ số 1,5 đối với đối tượng quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 5 Nghị định này.

2. Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau quy định tại khoản 1 Điều này hoặc tại các văn bản khác nhau quy định về chế độ trợ giúp xã hội thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. Riêng người đơn thân nghèo nuôi con là đối tượng quy định tại các khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 5 Nghị định này thì được hưởng cả chế độ đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5 và chế độ đối với đối tượng quy định tại các khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 5 Nghị định này.

Điều 12. Chế độ, chính sách trợ giúp khẩn cấp

1. Hỗ trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu

a) Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 01 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc hộ thiếu đói dịp Tết Nguyên đán. Hỗ trợ không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác từ nguồn lực của địa phương và nguồn dự trữ quốc gia;

b) Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác mà mất nhà ở và không có khả năng tự bảo đảm các nhu cầu thiết yếu thì được xem xét hỗ trợ từ nguồn lực huy động hoặc nguồn dự trữ quốc gia: lều bạt, nước uống, thực phẩm, chăn màn, xoong nồi, chất đốt, xuồng máy và một số mặt hàng thiết yếu khác phục vụ nhu cầu trước mắt, tại chỗ.

2. Người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác mà phải cấp cứu và điều trị tại cơ sở y tế từ 03 ngày trở lên thì được xem xét hỗ trợ với mức thấp nhất bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

3. Hỗ trợ chi phí mai táng

a) Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức thấp nhất bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết quy định tại khoản 1 Điều này do không có người thân thích nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, thấp nhất bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

c) Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

4. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức thấp nhất 40.000.000 đồng/hộ;

b) Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức thấp nhất 30.000.000 đồng/hộ;

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức thấp nhất 20.000.000 đồng/hộ.